

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2910/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Phụng

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 966/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3751/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4454/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Ấp x, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: 45 đường y, khu phố z, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tú A, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ tạm trú: 45 đường y, khu phố z, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tú A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 20/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống, không còn tình cảm yêu thương nhau, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Hiện nay tuy bà và ông Tú A vẫn còn sống chung một nhà, tuy nhiên mỗi người đều có cuộc sống riêng, kinh tế riêng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tú A.

- Về con chung: Bà T và ông Tú A có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 23/3/2015. Sau ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; bà không yêu cầu ông Tú A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 13/12/2021 bị đơn ông Nguyễn Tú A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tú A thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về việc xác lập quan hệ hôn nhân cũng như quá trình chung sống của hai vợ chồng. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo ông Tú A là do bà T có tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tuy nhiên ông xác định vẫn còn tình cảm yêu thương bà T nên không đồng ý ly hôn. Ông mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để con có đầy đủ cha mẹ.

- Về con chung: Ông Tú A xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 23/3/2015. Hiện nay con chung do bà T cũng như cha mẹ ruột của bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; nếu phải ly hôn, ông Tú A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Tú A xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Tú A; giao con Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 23/3/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Tú A phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tú A, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Tú A có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn ông Nguyễn Tú A, sau khi thụ lý vụ án Tòa án triệu tập ông Tú A đến tòa để giải quyết việc kiện của bà T. Ngày 13/12/2021 ông Tú A có đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Sau đó Tòa án triệu tập ông Tú A đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tú A vắng mặt. Ông Tú A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng

mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[1.4]. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền số 01/2014 ngày 20/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tú A là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn ông Tú A, Hội đồng xét xử xét: Tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính và cùng nhau quan tâm, chăm sóc, thương yêu lẫn nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình cũng như nuôi dạy con chung. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng bà T, ông Tú A đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau.

Bà T trong quá trình giải quyết vụ án đã cương quyết xin được ly hôn với ông Tú A. Ông Tú A trình bày tại bản tự khai không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình, nhưng Tòa án triệu tập đến hòa giải để vợ chồng đoàn tụ thì ông Tú A không đến đã thể hiện tình cảm vợ chồng không còn. Tại Công văn số 207/UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức đã thể hiện “ông Nguyễn Tú A và bà Nguyễn Thị T vẫn chung sống với nhau, không xảy ra bạo lực gia đình, hiện đang ở địa chỉ 45 đường y, khu phố z, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh”. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tú A theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông Tú A có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 23/3/2015. Khi ly hôn, bà T và ông Tú A đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét về quyền nuôi dưỡng con chung giữa các đương sự là như nhau và bất khả xâm phạm. Xét về điều kiện nuôi con bà T cũng như ông Tú A đều có nguyện vọng nuôi con cũng như đưa ra phương pháp và điều kiện nuôi con tốt nhất. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa các bên đương sự đã cung cấp tài liệu chứng cứ nhằm bảo vệ quyền nuôi con của mình. Tham khảo nguyện vọng của trẻ Nguyễn Hoàng Thiên P có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại. Hội đồng xét xử xét, khi ly hôn con chung được giao cho ai nuôi dưỡng cũng nhằm mục đích đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung phát triển thể chất, tâm sinh lý cũng như ổn định việc học tập

của con chung. Để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của trẻ nên giao con cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Tú A cấp dưỡng nuôi con, nên được ghi nhận và Tòa án không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tú A.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển 01/2014 ngày 20/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai).

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 23/3/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Tú A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng bà T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0059205 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu